

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 04 /2018/NQ-HĐND

Phú Thọ, ngày 20 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định về phân cấp quản lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức,
đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ SÁU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Xét Tờ trình số 2727/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về phân cấp quản lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ khóa XVIII, kỳ họp thứ Sáu thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2018, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8

năm 2018 và thay thế Nghị quyết số 213/2010/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định về phân cấp quản lý tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Dân Mạc

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc**

QUY ĐỊNH
PHÂN CẤP QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ
THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA TỈNH PHÚ THỌ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04 /2018/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về phân cấp quản lý tài sản công tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ.

Những nội dung khác liên quan đến phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý tài sản công và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan nhà nước.
- Đơn vị sự nghiệp công lập.
- Tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Thọ được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công.

CHƯƠNG II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 2. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công quyết định mua sắm tài sản nhà nước trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với các loại tài sản sau:

a) Trụ sở làm việc (gồm đất, nhà làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý) của cơ quan, tổ chức; cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập).

b) Xe ô tô, kể cả xe ô tô chuyên dùng.

c) Tài sản khác có giá trị mua sắm ban đầu từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh căn cứ tiêu chuẩn, định mức quyết định mua sắm tài sản nhà nước gồm: Máy móc, đồ dùng, thiết bị làm việc và các tài sản khác có giá trị mua sắm ban đầu dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (trừ tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành).

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tiêu chuẩn, định mức quyết định mua sắm tài sản nhà nước trang bị cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện quản lý gồm: Máy móc, đồ dùng, thiết bị làm việc và các tài sản khác có giá trị mua sắm ban đầu từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/1 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành).

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ tiêu chuẩn, định mức quyết định mua sắm tài sản nhà nước gồm: Máy móc, đồ dùng, thiết bị làm việc và các tài sản khác có giá trị mua sắm ban đầu dưới 100 triệu đồng/1 đơn vị tài sản (trừ tài sản thuộc danh mục mua sắm tập trung do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành).

5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về Luật Đầu tư công và pháp luật có liên quan.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh khi thuê tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) phục vụ hoạt động ngoài phạm vi nguồn kinh phí được giao của cơ quan, tổ chức, đơn vị phải được Chủ tịch UBND tỉnh chấp thuận hoặc được Chủ tịch UBND tỉnh giao nhiệm vụ.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thuê tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ

chức, đơn vị cấp huyện, cấp xã ngoài phạm vi nguồn kinh phí được giao của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định thuê tài sản khác (không phải là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp) phục vụ hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi dự toán được giao.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công.

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản công đối với các loại tài sản sau:

a) Trụ sở làm việc (gồm đất, nhà làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý) của cơ quan, tổ chức; cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý.

b) Xe ô tô, kể cả xe ô tô chuyên dùng.

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản khác của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này).

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này).

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản nhà nước đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này).

Điều 5. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý; giữa cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã; giữa các huyện, thành, thị đối với các loại tài sản sau:

a) Trụ sở làm việc (gồm đất, nhà làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý) của cơ quan, tổ chức; cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý.

b) Xe ô tô, kể cả xe ô tô chuyên dùng.

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh quản lý; giữa cấp tỉnh và cấp huyện, cấp xã; giữa các huyện, thành, thị (trừ tài sản quy định tại khoản 1, Điều 5 Quy định này).

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản nhà nước giữa các đơn vị trực thuộc (trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 5 Quy định này).

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản nhà nước có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện quản lý; giữa các đơn vị cấp huyện với Ủy ban nhân dân cấp xã; giữa các Ủy ban nhân dân cấp xã (trừ tài sản quy định tại khoản 1, Điều 5 Quy định này).

Điều 6. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với các loại tài sản:

a) Trụ sở làm việc (gồm đất, nhà làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý) của cơ quan, tổ chức; cơ sở hoạt động sự nghiệp (gồm đất, nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất phục vụ hoạt động quản lý và cung cấp dịch vụ công của đơn vị sự nghiệp công lập).

b) Xe ô tô, kể cả xe ô tô chuyên dùng.

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/1 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định bán tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (trừ tài sản quy định tại khoản 1, Điều 6 Quy định này).

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định bán tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản (trừ tài sản quy định tại khoản 1, Điều 6 Quy định này).

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý:

a) Nhà và các công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (trừ trường hợp phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư, xây dựng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt).

b) Xe ô tô, kể cả xe chuyên dùng và tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý:

a) Nhà và các công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh nằm trong mặt bằng thi công các dự án đầu tư xây dựng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt.

b) Tài sản là máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán từ 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng /01 đơn vị tài sản của các đơn vị cấp tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý:

a) Nhà và các công trình xây dựng, tài sản khác gắn liền với đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quản lý phải phá dỡ để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tài sản là máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác của các đơn vị cấp huyện, cấp xã có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng/ 01 đơn vị tài sản đến dưới 500 triệu đồng /01 đơn vị tài sản.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý: Tài sản là máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện quyết định thanh lý: Tài sản là máy móc, trang thiết bị làm việc và các tài sản khác của các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ kế toán dưới 100 triệu đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quản lý.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản khác có nguyên giá theo sổ kế toán hoặc theo giá thị trường có xác nhận Sở Tài chính (trong trường hợp không có cơ sở xác định nguyên giá) từ 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản trở lên của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Giám đốc Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản có nguyên giá theo sổ kế toán hoặc theo giá thị trường có xác nhận của cơ quan tài chính cùng cấp (trong trường hợp không có cơ sở xác định nguyên giá) dưới 500 triệu đồng/01 đơn vị tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ tài sản quy định tại khoản 1, Điều 9 Quy định này).

Điều 10. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ dự án

Tài sản dự án khi kết thúc nhiệm vụ phải được quản lý, lập phương án xử lý theo quy định, cụ thể: Điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9 Quy định này hoặc giao, điều chuyển tài sản cho đơn vị khác quản lý, sử dụng theo văn kiện dự án./.

CHỦ TỊCH

Hoàng Dân Mạc